

Bản án số: 317/2018/HS-PT
Ngày: 25-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Đinh Ngọc Huân.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Đăng An, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 638/2017/HSPT ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H và các bị cáo khác phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2017/HSST ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1982; nơi ĐKNKKTT: Xóm X, P, H, N, Hải Dương; trú tại: Quận N, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Hữu C và con bà Mạc Thị N; có vợ là: Diêm Thị T, sinh năm: 1983; và có 3 con: Lớn nhất sinh năm: 2006, nhỏ nhất sinh năm: 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2015, hiện đang bị tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H: Ông Ngô Trung K, luật sư văn phòng Luật sư L thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Đặng Hoàng L, Sinh năm: 1964; nơi ĐKNKKTT: thị trấn K, L, tỉnh Quảng Bình; trú tại: T, H, Cầu Giấy, Hà Nội; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Đặng Xuân H và con bà Hoàng Thị Đ; có chồng là:

Trương Đình D, sinh năm: 1957 (Đã ly hôn) và có 2 con: Lớn sinh năm: 1982, nhỏ sinh năm: 1983; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/10/2013, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị bắt giữ ngày 02/12/2015, hiện đang bị tạm giam đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hoàng L: Ông Phan Văn H, luật sư Công ty Luật K thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại: Có 06 người bị hại nhưng không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội Vũ Thị V và Đặng Hoàng L quen biết nhau từ năm 2013, trong quá trình quen biết cả hai thường xuyên qua lại nhà nhau chơi. Mặc dù không có khả năng và chức năng gì trong việc tuyển sinh, tuyển dụng, nhưng vì không có công ăn việc làm ổn định và với mục đích muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên V và L bàn bạc với nhau là tìm những người có nhu cầu xin việc làm vào các cơ quan nhà nước hoặc xin đủ điểm đi học các trường chuyên nghiệp cho con cháu của họ để lừa thu tiền của họ. V và L thỏa thuận mỗi trường hợp sẽ thu từ 200 đến 350 triệu đồng, tùy theo công việc, L là người chịu trách nhiệm tìm những người có nhu cầu, còn V chịu trách nhiệm về thủ tục và hồ sơ giấy tờ. Để tạo lòng tin với những người có nhu cầu xin việc và xin đủ điểm để đi học cho con, cháu của họ, Vũ Thị V đã bàn bạc và thống nhất với Nguyễn Hữu H làm giả các giấy tờ thông báo tuyển sinh, các quyết định tiếp nhận công chức.... sau đó V sẽ gửi cho các bị hại để họ tiếp tục đưa tiền. Vì trước đó V đã nhiều lần trả nợ họ nên khi V đặt vấn đề làm giả các giấy tờ thì H đồng ý ngay. Nguyễn Hữu H lên mạng Internet, tra cứu các biểu mẫu của Học viện Cảnh sát nhân dân và chữ ký của ông Nguyễn Xuân Y (Giám đốc), bao gồm cả hình dấu đỏ và chữ ký màu xanh. V là người chuyển thông tin của các cá nhân để H làm giả các quyết định điều động, chấp nhận phân công công tác của các cơ quan như: Cục văn thư lưu trữ, Bộ Nội vụ, Cục tổ chức cán bộ - Tổng cục chính trị Công an nhân dân...Sau khi thu thập được các mẫu, Nguyễn Hữu H sử dụng phần mềm Paint và Power Point (chỉnh sửa, cắt ghép) để làm giả các giấy tờ giả theo yêu cầu của Vũ Thị V. Khi làm xong, Nguyễn Hữu H in ra rồi dùng điện thoại chụp lại và gửi bằng phần mềm Zalo sang máy điện thoại của V hoặc đưa trực tiếp cho V. Sau khi nhận nội dung văn bản giả do H đưa, V lại chuyển

tiếp cho L, nhưng vì máy điện thoại của L không có ứng dụng này nên L bảo V gửi các quyết định đó vào máy điện thoại của Trần Lê T, sinh năm: 1981, trú tại: đường T, Y, Cầu Giấy, Hà Nội (là con nuôi của L), sau đó T lại chuyển các quyết định đó bằng phần mềm Zalo cho người đã nộp tiền cho L để xin việc.

Tương tự như Đặng Hoàng L, thấy V và L bàn bạc với nhau về việc nhận hồ sơ và tiền để lo xin việc và xin điểm cho những người có nhu cầu, mặc dù Đỗ Khắc P (sinh sống với Đặng Hoàng L như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) không biết V làm nghề gì và có khả năng như nào, đồng thời P cũng không có khả năng gì nhưng vẫn giới thiệu với bạn bè và những người quen là mình có mối quan hệ quen biết với người có khả năng xin được việc làm và xin đủ điểm cho con cháu của họ theo học các trường chuyên nghiệp để nhận hồ sơ và tiền.

Sau khi nhận tiền của các bị hại L và P có đưa cho V, nhưng không đưa hết mà chỉ đưa một phần, số còn lại L và P sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

1. Hành vi của Đặng Hoàng Lan L, Vũ V và Nguyễn Hữu H:

Đặng Hoàng L nói có mối quan hệ quen biết với nhiều người có chức vụ, quyền hạn giữ các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước và L có thể nhờ họ lo xin việc, đi học vào các cơ quan nhà nước, các trường Công an nhân dân. Do tin tưởng L, các bị hại đã nộp tiền và hồ sơ cho L, bao gồm:

1.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1971, trú tại: Phường Ái Quốc, thành phố H, tỉnh Hải Dương:

Thông qua quan hệ xã hội bà Đ quen biết L, do tin L có khả năng xin được việc làm và xin được điểm cho con, cháu của mình nên bà Đ đã cung cấp lý lịch trích ngang, văn bằng của con gái bà Đ và nhiều cháu trong gia đình để nhờ L xin tuyển dụng công tác vào các cơ quan Nhà nước. L nói tất cả đều lo được, mỗi trường hợp yêu cầu gia đình bà Đ phải đưa cho L số tiền từ 300 triệu đồng đến 350 triệu đồng. Từ tháng 12/2014 đến tháng 12/2015 bà Đ đã đưa cho L tổng số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và 5.000 USD (năm nghìn Đô la Mỹ), cụ thể:

- Ngày 13/12/2014, bà Đ giao cho L 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để đặt cọc xin cho cháu là Phạm Văn C, sinh năm: 1993, HKTT: Xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương vào làm việc tại Công an quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. Khi giao nhận tiền có viết giấy biên nhận, L hẹn trong tháng 9 và tháng 10/2015 sẽ được đi làm.

- Ngày 11/8/2015, bà Đ giao cho L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để đặt cọc xin cho cháu là Nguyễn Thành Đ1, sinh năm: 1997, HKTT: Số phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào học tại trường Trung cấp Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy. L có viết giấy biên nhận và hẹn 15/10/2015 được vào học.

- Ngày 13/8/2015, bà Đ giao cho L 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để đặt cọc xin cho cháu là Lê Thanh H1, sinh năm: 1993, HKTT: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào học tại Trường Trung cấp Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy. L có viết giấy biên nhận hẹn 15/10/2015 được vào học.

- Ngày 17/8/2015, bà Đ giao cho L 5.000 USD (năm nghìn đô la Mỹ) để đặt cọc xin cho con gái bà là Vũ Thị Tr V, sinh năm: 1993, HKTT: phường S, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào làm việc lại Cục tổ chức cán bộ - Bộ Công an. L viết giấy biên nhận và hẹn từ tháng 10 đến tháng 11-2015 sẽ được đi làm.

- Ngày 21/08/2015, bà Đ giao cho L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để đặt cọc xin cho cháu là Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1990, HKTT: Khu Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào làm việc tại Phòng tài chính - Bộ Nội Vụ. Cùng ngày bà Đ giao thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để đặt cọc xin cho cháu là Nguyễn Mạnh C1, sinh năm: 1992, HKTT: Thị trấn C, huyện G, tỉnh Hải Dương vào làm việc tại Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Cả hai trường hợp này L có viết giấy biên nhận và hẹn cuối tháng 10/2015 được vào làm việc.

Sau khi nhận tiền từ bà Đ, L; thông báo thông tin của từng trường hợp cho Vũ Thị V, V lại tiếp tục chuyển thông tin đó cho Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu H lên mạng Internet, tra cứu các biểu mẫu để điền các thông tin cá nhân theo yêu cầu của V gồm:

- Giấy báo nhập học và thông báo kết quả xét tuyển sinh năm 2015 của Hội đồng tuyển sinh - Học viện Cảnh sát nhân dân và chữ ký của ông Nguyễn Xuân Y (Giám đốc), bao gồm cả hình dấu đỏ và chữ ký màu xanh của trường hợp Lê Thanh H1, Nguyễn Thành Đ1 vào học chuyên ngành phòng cháy chữa cháy.

- Quyết định chấp thuận phân công công tác của Phòng tổ chức cán bộ - Bộ công an và chữ ký của Đại tá Dương Quốc H2 (Phó chánh văn phòng) đối với Nguyễn Mạnh C1 vào nhận công tác tại Công an quận Long Biên.

- Thông báo điều động của Cục văn thư lưu trữ - Bộ Nội vụ và chữ ký ông Trần Quốc T1 (Phòng kế hoạch tài chính) đối với Nguyễn Thị Q.

Sau khi thu thập được các mẫu, Nguyễn Hữu H sử dụng phần mềm Paint và Power Point (chỉnh sửa, cắt ghép) để làm giả các giấy tờ giả theo yêu cầu của Vũ Thị V.

Từ ngày 18/11/2015 đến ngày 25/11/2015, L gửi hình ảnh chụp các quyết định, thông báo nhập học, xét tuyển, điều động... trên cho bà Đ qua phần mềm “Zalo” (phần mềm nhắn tin, gọi điện trên điện thoại di động thông qua mạng Internet) gửi từ tài khoản Zalo mang tên Trần Lê T, đăng ký bằng số điện thoại 0956637715.

Ngày 01/12/2015, Đặng Hoàng L gửi hình ảnh quyết định số 11/2015 của Phòng Hành chính Văn phòng - Bộ Công an, về việc luân chuyển Vũ Thị Tr V (con gái bà Đ), đang công tác tại Phòng PX15 Công an tỉnh Hải Dương đến nhận công tác tại Cục XI3 Bộ Công an. Đồng thời, L yêu cầu bà Đ phải giao nốt số tiền 300 triệu đồng như đã thỏa thuận xin việc cho các cháu bà là Nguyễn Mạnh C1 và Nguyễn Thị Q. Hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, bà Đ cùng cháu Nguyễn Thị Q đem theo 300 triệu đồng đến quán cà phê SUN, tại địa chỉ số đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội để đưa cho L. Tại đây, L vừa nhận xong số tiền trên thì bị tổ công tác Phòng 4, Cục C44 bắt quả tang.

Tổng cộng bà Đ đã giao cho L 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và 5.000 USD (năm nghìn đô la Mỹ). Bà Đ khai: Toàn bộ số tiền giao cho L là tiền của bà Đ tự bỏ ra ứng trước cho các cháu, khi nào xong việc gia đình các cháu sẽ có trách nhiệm thanh toán. Căn cứ kết quả điều tra đã xác định toàn bộ số tiền đưa cho L là tiền của cá nhân bà Đ, nên ngày 27/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ- C44-P4 trao trả cho bà Nguyễn Thị Đ 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và 5.000 USD (năm nghìn đô la Mỹ), bà Đ đề nghị làm rõ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L và yêu cầu L bồi thường.

1.2. Ông Phạm Xuân B, sinh năm: 1963, trú tại: Xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương:

Cũng tương tự như bà Đ, do tin tưởng L có khả năng xin được cho các cháu của ông đi học, nên từ ngày 18/8/2015 đến ngày 05/11/2015 ông B đã nhiều lần chuyển cho L tổng số tiền 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) qua ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Dương để xin cho các cháu của ông là anh Đinh Tuấn A, sinh năm: 1994, trú tại: Phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương và Phạm Huy Hào, sinh năm: 1992, trú tại: Xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương vào

học tại Học viện Cảnh sát nhân dân, L hứa đến ngày 25/11/2015 sẽ có giấy báo nhập học.

Sau khi nhận tiền từ ông B, L đã đưa cho V 40.000.000 đồng, V gọi điện thoại bảo H làm giả 02 Thông báo kết quả xét tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh - Học viện Cảnh sát nhân dân do Trung tướng. GS.TS Nguyễn Xuân Y ký (01 thông báo mang tên Đinh Tuấn A và 01 thông báo mang tên Phạm Huy Hào). Sau đó H in màu 02 thông báo trên và chuyển cho V, V lại chuyển cho L.

Ngày 20/11/2015, L gọi điện thoại cho ông B thông báo là đã có giấy báo nhập học của các cháu, nên ngay trong ngày hôm đó ông B đã đến nhà L tại số 5 khu tập thể chinh hình, đường Trung Kính để nhận, tại đây L đưa 02 thông báo kết quả xét tuyển sinh cho ông B và nói khi nào L gọi điện thì bảo các cháu đến Học viện Cảnh sát nhân dân để nhập học. Dời mãi không thấy kết quả, ông B có gọi điện thoại cho L thì không liên lạc được.

Ông B khai số tiền trên là tiền cá nhân của ông bỏ ra để lo cho các cháu (vì nhà các cháu khó khăn), khi nào lo được việc thì gia đình các cháu sẽ thanh toán sau. Đến nay ông B đề nghị làm rõ hành vi của L và yêu cầu L bồi thường cho ông số tiền 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Vũ Thị V khai: V chỉ nhận của L 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng), việc giao nhận tiền được thực hiện làm nhiều lần, có lần thì viết giấy biên nhận, có lần không viết giấy biên nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, V và L vẫn giữ nguyên lời khai.

* Tại Kết luận giám định số 4759/KLGD-PC54 ngày 25/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Hoàng L trên “Giấy nhận tiền” với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Hoàng L là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Ngoài việc nhận tiền của bà Đ và ông B nêu trên, Đặng Hoàng L còn khai: Có nhận tổng số tiền 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng) của ông H1 ở Hải Dương, bà Nhuệ và ông Long ở Hà Nội để xin cho con, cháu họ được đi làm và đủ điểm để đi học. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã đăng thông báo tìm bị hại nhưng đến nay chưa có trường hợp nào đến trình báo nên chưa ghi lời khai của những người trên. Quá trình điều tra, do chưa xác định được cụ thể tên, tuổi, địa chỉ của các bị hại, nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi L nhận số tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng) của ông Hiệp ở Hải Dương, bà Nhuệ và ông Long ở Hà Nội để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

2. Hành vi của Đỗ Khắc P, Vũ V và Nguyễn Hữu H:

Cũng tương tự như việc Đặng Hoàng L nhận tiền và hồ sơ của các bị hại như đã nêu trên. Đỗ Khắc P tự giới thiệu mình có mối quan hệ rộng, quen biết nhiều lãnh đạo trong ngành Công an nên có thể nhờ người lo xin học, xin việc cho các trường hợp có nhu cầu vào ngành Công an và vào các cơ quan nhà nước với giá từ 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) đến 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mỗi trường hợp sẽ phải đặt cọc trước số tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tùy vào từng vị trí công tác và học tập. Mặc dù Đỗ Khắc P không biết V làm nghề gì và có khả năng như nào, đồng thời P cũng không có khả năng gì nhưng vẫn nhận hồ sơ và tiền của những người có nhu cầu. Đối với mỗi trường hợp trước khi nhận tiền của những người có nhu cầu, P đều hỏi V về tổng số tiền phải nộp và số tiền phải đặt cọc trước của từng trường hợp. Sau khi nhận thông tin từ V, P đã báo mức tiền đặt cọc cao hơn mức tiền mà V đưa ra. Đỗ Khắc P đã nhận hồ sơ và tiền của những người sau:

2.1. Bà Đỗ Thị N1, sinh năm: 1959, trú tại: T, quận H, thành phố Hà Nội:

Trong một lần tham gia buổi gặp mặt doanh nhân dòng họ Đỗ tại Hà Nội, bà N1 gặp P, trong khi nói chuyện P tự giới thiệu mình có nhiều mối quan hệ có thể nhờ xin được việc hoặc xin được đi học cho các cháu. Tin tưởng P có khả năng thật nên bà N1 đã nói chuyện với những người họ hàng, ai có nhu cầu thì bà sẽ nhờ họ. Được một số gia đình nhờ giúp nên bà N1 đã tự bỏ tiền cá nhân của mình ra để đưa cho P nhờ lo việc cho các cháu. Ngày 31/8/2015, P đến nhà bà N1, tại địa chỉ: K, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây bà N1 đã đưa cho P tổng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc để xin cho 03 (ba) trường hợp là cháu bà N1 gồm:

+ Chị Đặng Thị C3, sinh năm: 1990, HKTT: Xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào trường cấp 3 tỉnh Phú Thọ. Nhận đặt cọc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). P nói tổng số tiền để xin là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền còn lại sẽ giao sau khi nhận được quyết định hoặc giấy báo trúng tuyển.

+ Anh Nguyễn Phi Đ1, sinh năm: 1981, HKTT: phường T, quận H, thành phố Hà Nội vào Công an quận Long Biên. Nhận đặt cọc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). P nói tổng số tiền để xin là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại sẽ giao sau khi nhận được quyết định hoặc giấy báo trúng tuyển.

+ Anh Trần Đăng Kh, sinh năm: 1986, HKTT: thành phố N, tỉnh Nam Định xin vào làm việc tại Bộ Tài chính. P nhận đặt cọc 100.000.000 đồng (một trăm

triệu đồng). P nói tổng số tiền để xin là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại sẽ giao sau khi nhận được quyết định hoặc giấy báo trúng tuyển.

Tổng số P đã nhận của bà N1: 250.000.000 đồng (có viết giấy vay tiền), sau đó đã đưa cho V 120.000.000 đồng kèm theo hồ sơ. Mặc dù bà N1 chỉ giao nộp cho Cơ quan điều tra bản photo giấy vay tiền có chữ ký của P (không giám định được) nhưng căn cứ vào lời khai của bà N1, gia đình và các cháu (C3, Đ1, Kh). Bên cạnh đó còn có việc giao nhận tiền giữa Đỗ Khắc P và Vũ Thị V trong việc xin việc cho 3 người có tên trên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vũ Thị V đồng phạm với Đỗ Khắc P trong việc lừa đảo tổng số tiền 250.000.000 đồng của bà N1.

Đến nay bà N1 đề nghị làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu P phải bồi thường cho bà số tiền 250.000.000 đồng nói trên.

2.2. Ông Đinh Văn C5, sinh năm: 1955, trú tại: Xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội:

Anh Lê Xuân Diễm, sinh năm: 1971, trú tại: Khu 13 xã Dịch Cù, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có con gái là Lê Thị Linh, sinh năm: 1994 và cháu là Nguyễn Văn Lực, sinh năm: 1991, đều có HKTT tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có nhu cầu xin vào dạy học tại Trường cấp 3 và Trường cấp 1 của huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ông Đinh Văn C5 là chú họ của anh Diễm, trong một lần gặp nhau anh Diễm nói có nguyện vọng xin việc cho con gái và cháu, nhờ ông Căn xem ai có khả năng thì giúp. Ông Căn là người họ hàng xa của Đỗ Khắc P và ông đã được nghe P tự giới thiệu là có quen nhiều người có khả năng xin được việc. Do đó, ông Căn đã nhận lời giúp anh Diễm và yêu cầu chuẩn bị hồ sơ. Vì tin tưởng P có thể xin được việc cho các cháu nên trong khoảng tháng 6/2015 ông Căn đã tự bỏ tiền cá nhân của ông ra đưa cho P 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để xin cho các cháu của ông là Lê Thị Linh và Nguyễn Văn Lực vào dạy học tại Trường cấp 3 và Trường cấp 1 của huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (việc giao nhận tiền có viết giấy biên nhận nhưng ông Căn đã làm thất lạc).

Đợi mãi không thấy các cháu được đi làm nên ông Căn cùng anh Diễm đến gặp P để hỏi, thì được P hứa hẹn vào bảo đợi thêm một thời gian nữa. Vì là họ hàng và cũng không muốn phiền hà trong việc đòi tiền, nên ông Căn đề nghị P viết giấy cam kết trả tiền cho anh Diễm, mục đích là để chốt số tiền ông Căn đã đưa cho P. Trong giấy cam kết có nội dung: “Tôi Đỗ Khắc P... có nhận hồ sơ để xin việc cho cháu cấp 1 và cháu cấp 3... cam kết trả lại cháu Lê Xuân Diễm số tiền là 150.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 26/01/2016”, Đỗ Khắc P khai: Sau

khi nhận tiền của ông Căn, P đã đưa cho V 50.000.000 đồng, còn lại P sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đến nay ông Căn đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu P bồi thường số tiền 150.000.000 đồng nói trên.

2.3. Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm: 1967, trú tại: khu tập thể Z117 xã X, huyện S, thành phố Hà Nội:

Vì bị mắc bệnh viêm xoang, thông qua một số người quen giới thiệu bà L có đến nhà P tại số phường Trung Kính để khám và chữa bệnh. Thông qua câu chuyện bà L được P giới thiệu có quen biết nhiều người có khả năng xin việc cho các cháu đã tốt nghiệp, nên bà L nhờ P xin việc cho cháu bà vào làm kế toán tại Công an quận Long Biên, P nhất trí và nói chi phí hết 300.000.000 đồng, phải đặt cọc trước 100.000.000 đồng kèm theo hồ sơ, số tiền còn lại sẽ giao sau khi nhận được quyết định hoặc giấy báo trúng tuyển. Do tin tưởng P có khả năng xin được việc làm nên ngày 09/9/2015 bà L đưa cho P số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ để xin cho cháu bà là Đặng Thị Quỳnh Tr, sinh năm: 1993, trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh vào làm kế toán Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Bà L đã tự bỏ tiền cá nhân của mình ra đặt cọc cho ông P 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). P đã đưa cho V 50.000.000 đồng (có viết giấy biên nhận), sau khi nhận tiền từ P, V gọi điện thoại bảo Nguyễn Hữu H làm giả Quyết định phân công công tác mang tên chị Đặng Thị Quỳnh Tr của phòng tổ chức cán bộ - Bộ công an do Đại tá Dương Quốc H2 (Phó chánh văn phòng) ký, sau đó đưa cho V. Sau đó gia đình cháu Trang thông báo cho bà L là Trang đã thi đỗ vào Ngân hàng nên không nhờ xin việc nữa, bà L đã thông báo cho P biết và đề nghị trả lại số tiền trên, P đã thông báo cho V biết nên V chưa đưa quyết định cho P. Ngày 20/11/2015, Đỗ Khắc P đã trả cho bà L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bà L yêu cầu P phải bồi thường 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) còn lại và đề nghị xử lý P theo quy định của pháp luật.

2.4. Bà Vũ Thị Kh, sinh năm: 1965, trú tại: phường D, quận C; thành phố Hà Nội:

Qua sự giới thiệu của ông Đoàn Danh B, sinh năm: 1960, trú tại: phường V, quận G, thành phố Hà Nội (bạn cùng quê với P), bà Kh đến gặp P để nhờ xin cho con gái bà là chị Nguyễn N, sinh năm: 1989 vào làm tại Cục văn thư lưu trữ nhà nước. P đã gọi điện thoại cho V và được V báo trường hợp này chi phí hết 250.000.000 đồng. Do tin tưởng P có khả năng xin được việc, nên ngày 21/9/2015 bà Kh đưa cho P số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền

đặt cọc, sau khi nhận số tiền này P đã đưa hết cho V (có viết giấy biên nhận). Sau khi nhận tiền từ P, V gọi điện thoại báo Nguyễn Hữu H làm giả Thông báo điều động của Cục văn thư lưu trữ - Bộ nội vụ mang tên chị Nguyễn H Nhung do bà Nguyễn Thị Tâm (Phòng hành chính tổ chức) ký, sau đó đưa cho V. Ngày 26/11/2015, Vũ Thị V đưa cho P Quyết định phân công công tác của chị Nguyễn H N (bản photocopy) vào làm tại Cục Văn thư lưu trữ nhà nước và yêu cầu P nộp tiếp số tiền còn lại. Cùng ngày, P đưa Quyết định này cho bà Kh và yêu cầu bà Kh nộp tiền tiếp. Ngày 27/11/2015, bà Kh giao tiếp số tiền số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho P, cả hai lần nhận tiền P đầu nhờ ông Bằng viết giấy nhận tiền cho bà Kh, trong giấy nhận tiền ghi “Đỗ Khắc P nhận của bà Kh... để lo cho cháu Nguyễn H Nhung vào làm việc tại Cục lưu trữ quốc gia, đúng ngày 23/12/2015 được nhận công tác...” P ký vào phần người nhận tiền, ông Bằng ký vào phần người làm chứng. Sau khi nhận số tiền 150.000.000 đồng này của bà Kh, P giữ lại chưa đưa cho V. Sau khi V bị Cơ quan điều tra - Bộ Công an bắt giữ, ngày 10/01/2016, P gọi điện cho bà Kh sang nhà và thông báo cho bà Kh là đã bị lừa và hẹn 10 ngày sau sẽ thu xếp trả tiền nhưng đến nay vẫn không trả được. Bà Kh đề nghị làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu P bồi thường cho bà số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền Đỗ Khắc P nhận của 4 người trên là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền của các bị hại, P đã đưa cho V 340.000.000 đồng (có trường hợp thì viết giấy biên nhận, có trường hợp không viết giấy), số tiền còn lại P đã sử dụng cá nhân hết.

Đỗ Khắc P khai: Sở dĩ P thu số tiền của các bị hại cao hơn số tiền V báo với P vì P nghĩ trước sau gì họ cũng phải nộp tiền tiếp. Do đó xác định Đỗ Khắc P và Vũ Thị V đồng phạm với nhau trong việc lừa đảo chiếm đoạt số tiền 750.000.000 đồng của các bị hại nói trên.

Tại bản kết luận giám định số: 1781/KLGĐ/PC54 (Đ4) của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã xác định: Chữ ký, chữ viết “Đỗ Khắc P” dưới chữ ký mục “bên nhận tiền ký” trên “Giấy biên nhận tiền” với chữ ký, chữ viết của Đỗ Khắc P là chữ do cùng một người, ký và viết ra.

* Ngày 21/01/2016, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an có Kết luận giám định số 11682/C54 - (P5+P6) kết luận:

- Thẻ thức trình bày văn bản trên 04 (bốn) tài liệu cần giám định ký hiệu từ AI đến A4 (Thông báo kết quả xét tuyển sinh năm 2015 ...) so với thẻ thức trình bày văn bản trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu MI đến M5. 05 (năm) Giấy

báo nhập học đề ngày 29/8/2015 đối với Nguyễn Minh Hiếu, có hình dấu của Học viện CSND và chữ ký của Chủ tịch - Giám đốc: Trung tướng, GS.TS ngày 26/11/2015 tại Phòng quản lý đào tạo Học viện CSND (Bản chính) không giống nhau.

- Hình dấu tròn có nội dung “HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN BỘ CÔNG AN” và chữ ký mang tên Trung tướng, GS.TS Nguyễn Xuân Y trên 04 (bốn) tài liệu cần giám định ký hiệu từ AI đến A4 được sao từ cùng một tài liệu gốc.

- Nội dung của 04 (bốn) tập tin văn bản gửi giám định được tạo ra theo cơ chế soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft office word, hình ảnh con dấu và chữ ký được chèn vào văn bản.

- * Tại Kết luận giám định số 4759/KLGD-PC54 ngày 25/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị V trên 14 (mười bốn) “Giấy biên nhận” chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị V là do cùng một người viết và ký ra.

Tại kết luận giám định số 2544/C54-P6, ngày 23/6/2016, Cục kỹ thuật hình sự - Bộ Công an đã kết luận: Không tìm thấy dữ liệu là hình ảnh các Thông báo, Quyết định tuyển sinh, tuyển dụng trong phần mềm Zalo của máy điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, số IMEI 1: 860365028762710, IMEI 2: 860365028762728 và SIM có số 8984048601354022412.

Mặc dù, không tìm thấy dữ liệu có hình ảnh các Thông báo, Quyết định tuyển sinh, tuyển dụng nhưng quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trích xuất các hình ảnh, các Thông báo, Quyết định tuyển sinh, tuyển dụng trong phần mềm Zalo từ máy điện thoại của Trần Lê T, đã được Trần Lê T và bị can Vũ Thị V xác nhận vào từng trang hình ảnh là các Thông báo, Quyết định tuyển sinh tuyển dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2017/HSST ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

[1] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 47, 53 của Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả

hai tội là 11 (mười một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/12/2015.

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/12/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác Vũ Thị V, Đỗ Khắc P và trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/06/2017, bị cáo Đặng Hoàng L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/06/2017, bị cáo Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Hữu H thay đổi một phần nội dung kháng cáo cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và giữ nguyên nội dung xin giảm hình phạt đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay sau khi kết thúc phần hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Hoàng L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Hữu H thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội danh Làm giả con dấu. Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi tại phiên tòa ngày hôm nay có đủ căn cứ chứng minh bị cáo H và bị cáo L đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị cáo H phạm tội Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu H kêu oan đối với tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với lý do bị cáo không được bàn bạc với bị cáo Vũ Thị V trong việc lừa đảo chiếm đoạt người khác. Nhưng thông qua tài liệu trong hồ sơ, dựa trên lời khai của bị cáo Vũ Thị V, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ có đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không bị oan đối với tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với tội danh Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không xuất trình được thêm tài liệu,

chứng cứ giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan đối với tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội danh Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng L: Xét vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo thì tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù là có phần nghiêm khắc, chưa đánh giá được tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L đã khắc phục thêm được 100 triệu đồng bồi thường cho ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tuyên xử bị cáo 10 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Hoàng L:

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm là 10 vẫn còn cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp được thêm các tình tiết giảm nhẹ mới là đã khắc phục tiếp hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khởi điểm tại khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H:

Luật sư không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bởi lẽ bị cáo H không được bàn bạc với bị cáo V, việc làm giả giấy tờ cho bị cáo V đã bị xét xử về tội làm giả giấy tờ, tài liệu. Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo hưởng lợi hơn 88 triệu là không chính xác. Lời khai của bị cáo V không chứng minh được số tiền 88 triệu là số tiền bị cáo H hưởng lợi từ việc bị cáo V lừa đảo chiếm đoạt mọi người. Trước khi bị cáo H làm giả giấy tờ tài liệu thì bị cáo V đã thực hiện xong việc lừa đảo. Việc làm giả giấy tờ của bị cáo V chỉ là để chống chế. Bản án sơ thẩm không chứng minh được bị cáo V và bị cáo H có sự bàn bạc để làm giả giấy tờ với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo H không thỏa mãn những dấu hiệu cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đồng phạm cùng bị cáo Vũ Thị V.

Đối với tội danh Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt có căn cứ. Bản thân bị cáo H sau khi bị khởi tố, bắt giam, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải, do nhận thức pháp luật hạn chế nên bị cáo mới làm giả giấy tờ cho bị cáo V. Gia đình bị cáo có bố có công với cách mạng, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn...

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo H không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo xuống mức

án thấp nhất đối với tội danh Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo H thay đổi kháng cáo cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng không có căn cứ chứng minh. Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay có đủ căn cứ xác định từ tháng 11/2014 đến tháng 11 năm 2015, Vũ Thị V, Nguyễn Hữu H, Đặng Hoàng L và Đỗ Khắc P đã dùng thủ đoạn gian dối như: Tự giới thiệu mình với những người bị hại là có nhiều mối quan hệ với các lãnh đạo cấp cao, có thể xin được việc làm và xin đủ điểm để được theo học tại các trường chuyên nghiệp. Để tạo lòng tin cho các bị hại, V đã cùng H làm giả các giấy tờ như Quyết định tuyển dụng, quyết định chuyển công tác, giấy báo điểm... Trước khi nhận tiền của các bị hại thì V có hỏi và được H đồng ý làm giả các giấy tờ cho V nên V mới nhận lời với L và P. Vì trước đó V đã nhiều lần trả nợ hộ H nên khi V đặt vấn đề làm giả các giấy tờ thì H đồng ý ngay. (BL 1325-1326). V là người chuyển thông tin của các cá nhân để H làm giả các quyết định điều động, chấp nhận phân công công tác của các cơ quan theo yêu cầu của Vũ Thị V. Khi làm xong, Nguyễn Hữu H in ra rồi dùng điện thoại chụp lại và gửi bằng phần mềm Zalo sang máy điện thoại của V hoặc đưa trực tiếp cho V. Sau khi nhận nội dung văn bản giả do H đưa, V lại chuyển tiếp cho L, nhưng vì máy điện thoại của L không có ứng dụng này nên L nói V gửi các quyết định đó vào máy điện thoại của Trần Lê T, là con nuôi của L, sau đó Trung lại chuyển các quyết định đó bằng phần mềm zalo cho người đã nộp tiền cho L để xin việc. Cơ quan CSĐT- Bộ Công an đã xác minh tại Học viện Cảnh sát nhân dân và Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, xác định nội dung và hình thức các văn bản tuyển dụng, tuyển sinh vào các đơn vị này là giả.

Thực tế L đã sử dụng giấy tờ giả đó để lừa đảo rồi chiếm đoạt tổng số tiền 1.990.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng) + 5.000 USD (Tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17/8/2015: 01 USD = 21.673 Việt Nam đồng, do đó $5.000 \text{ USD} \times 21.673 = 108.365.000$ đồng) – 2.098.365.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định H được V trả công làm giả các giấy tờ là 88.500.000 đồng. Như vậy, H là đồng phạm với V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Điều này phù hợp với các lời khai của H được thể hiện rõ tại các BL 539, 540, 541, 42, 564, 565 và 1333 và nhiều bản cung khác bị cáo Nguyễn Hữu H cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của Nguyễn Hữu H cũng như luận cứ của luật sư bào chữa cho bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với hành vi của H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thì xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính; đồng thời cũng không có tình tiết mới nhằm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên về hai tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.

[2] Xét kháng cáo của Đặng Hoàng L thấy L là đồng phạm tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức tạo điều kiện để các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại với số tiền rất lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người; tạo dư luận bất bình trong xã hội, ảnh hưởng tới đời sống kinh tế của người lao động, chính sách giáo dục, đào tạo và việc làm của Nhà nước; gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương nơi có tội phạm xảy ra. Do đó, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đảm bảo đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và đáp ứng được yêu cầu răn đe trong việc phòng chống tội phạm nói chung.

Tại phiên tòa hôm nay, gia đình bị cáo L xuất trình đơn đề nghị của người bị hại Là Phạm Xuân B với nội dung: xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì con của bị cáo đã trả 100 triệu đồng thay. Xét đơn nêu trên mặc dù đứng tên ông B nhưng không có bản chính nên không đủ cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, gia đình bị cáo L xuất trình tài liệu chứng minh bố, mẹ đẻ của bị cáo là ông Đặng Xuân Hảo, bà Hoàng Thị Đàm đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Xét đây là tình tiết mới ở cấp phúc thẩm nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo L.

[3] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4.]. Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên, chấp nhận lập luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo Đặng Hoàng L và không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đặng Hoàng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Nguyễn Hữu H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[1] Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu H; áp dụng thêm Điều 47, 53 của Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H 09** (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/12/2015.

[2] Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đặng Hoàng L.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng Lan L 12** (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/12/2015.

[3]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Hoàng L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A DS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (thông qua Ban giám thị T.T.G);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Anh Dũng